

Bản án số: **06/2022/DS-ST**

Ngày: 17-3-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tấn Thắng.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 106/2021/TLST-DS ngày 07/10/2021 về việc **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 07/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị R, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn N, huyện K, tỉnh Gia Lai.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị R có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị R trình bày: Vào ngày 03/01/2018 chị có cho anh Nguyễn Thanh C, trú tại: Làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai vay số tiền là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Anh C đã ghi nội dung vay của chị số tiền trên vào giấy, tự nguyện ký tên, ghi rõ họ tên Nguyễn Thanh C và giao lại cho chị R giữ; anh C hẹn thời gian trong vòng 01 tuần sẽ hoàn trả số tiền nợ trên. Chị R đã cung cấp Giấy vay tiền cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Qua thời gian hẹn trả nợ, anh C đã không trả được khoản tiền nợ gốc cho chị, mặc dù chị đã nhiều lần đến nhà anh C để yêu cầu trả nợ nhưng anh C không trả mà tiếp tục hẹn. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh C phải cho chị số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Chị R không yêu cầu anh C phải trả tiền lãi.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh C: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã triệu tập anh C đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai

trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức. Nhưng anh C cố tình trốn tránh, không chấp hành mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh C thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy vay tiền đề ngày 03/01/2018, có nội dung: “Tên tôi là Nguyễn Thanh C vay của cô R 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu). Đến tuần sau trả”; Người cho vay Lê Thị R, người vay Nguyễn Thanh C ký, ghi rõ họ tên”; 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Lê Thị R (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Lê Thị R (bản sao); 01 Biên bản làm việc ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện K về việc giải quyết cho vay, mượn tiền của hộ ông Nguyễn Thanh C và hộ bà Lê Thị R (bản chính).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm 1980 có địa chỉ tại Làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua các Biên bản không thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng do Trưởng Làng Đ cung cấp thông tin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất; bị đơn cư trú tại địa bàn huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh C đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị R vắng mặt nhưng chị R có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị R, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền đề ngày 03/01/2018 có nội dung bị đơn anh Nguyễn Thanh C vay của chị Lê Thị R số tiền 150.000.000 đồng phía dưới có chữ ký của anh C. Việc vay tiền và chứng cứ là giấy vay tiền nói trên đã được chị R và Tòa án thông báo đến bị đơn theo đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, tại Biên bản làm việc ngày 19/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện K về việc giải quyết cho vay, mượn tiền của ông Nguyễn Thanh C và hộ bà Lê Thị R thì anh Nguyễn Thanh C thừa nhận còn nợ chị Lê Thị R số tiền 150.000.000 đồng.

Trong giấy vay tiền anh C hẹn trong vòng 01 tuần sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị R, tuy nhiên đến nay anh C vẫn chưa trả được cho chị R. Anh C đã vi

phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Mặc dù anh Nguyễn Thanh C không có lời khai tại Tòa án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C. Bên cạnh đó, Tòa án đã nhiều lần giao văn bản cho chị T (*là vợ anh C*) để thông báo đến anh C nên anh C biết rõ việc chị R khởi kiện nhưng anh C cố tình trốn tránh, vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh C đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy xác định, hiện bị đơn anh Nguyễn Thanh C vẫn còn nợ nguyên đơn chị Lê Thị R số tiền 150.000.000 đồng đã được ghi nhận trong giấy vay tiền ngày đề ngày 03/01/2018. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị R, buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh C phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị R được chấp nhận toàn bộ nên chị R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị R toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Anh Nguyễn Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị R.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh C phải trả cho nguyên đơn chị Lê Thị R số tiền nợ là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án chị R có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án anh C thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (150.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh C phải chịu 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Lê Thị R số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000 đồng (*ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003273 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc